

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 88/TTr-TNMT ngày 01/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô FJ-04 thuộc Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng phía Nam, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư dự án “In bao bì” tại địa điểm: Lô FJ-04, Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: In bao bì

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô FJ-04, Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400560803, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/08/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24/8/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1014465258 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11/8/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 15/8/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400560803

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In gia công và gia công bao bì, sách hướng dẫn; Gia công đóng gói sản phẩm điện tử và khay nhựa; Sản xuất và gia công (in, cắt, gấp, dập, dán, đóng gói) đồ chơi dạng hình ảnh trí tuệ bằng giấy và nhựa; các sản phẩm từ giấy và nhựa khác; Sản xuất và gia công dây sạc điện thoại di động và dây cáp USB.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô FJ-04, khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích 12.034,5 m².

- Quy mô, công suất của dự án

+ Dự án có tiêu chí của dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ In gia công và gia công bao bì, sách hướng dẫn: Hộp màu 69.000.000 chiếc/năm; Hộp carton (cát tông) 135.000 chiếc/năm; Sách hướng dẫn 4.500.000 cuốn/năm.

+ Gia công đóng gói sản phẩm điện tử và khay nhựa 30.000.000 cái/năm, trong đó: Gia công đóng gói sản phẩm điện tử 10.000.000 cái/năm; Khay nhựa 20.000.000 cái/năm.

+ Sản xuất và gia công (in, cắt, gấp, dập, dán, đóng gói) đồ chơi dạng hình ảnh trí tuệ bằng giấy và nhựa; các sản phẩm từ giấy và nhựa khác: Khoảng 1.000.000 bộ sản phẩm/năm.

+ Sản xuất và gia công dây sạc điện thoại di động và dây cáp USB: 1.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “In bao bì” Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam thực hiện tại Lô FJ-04, Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và các giấy phép thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “In bao bì” tại Lô FJ-04, Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-TNMT ngày 19/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Yên Dũng, Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 80 m³/ngày đêm đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam) do Công ty cổ phần Phát triển Fuji Bắc Giang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu ngày 10/02/2017 và Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải ngày 01/12/2022 giữa Công ty TNHH in bao bì Sunny Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Fuji Bắc Giang).

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động rửa bản in của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 4 m³/ngày đêm đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Dự án được thu gom bằng ống nhựa PVC D90 về các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ (05 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 70,26 m³), sau đó được dẫn qua đường rãnh bê tông thoát nước thải tổng chiều dài 220m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 80 m³/ngày đêm (gồm 01 Modul công suất 50 m³/ngày đêm và 01 Modul công suất 30 m³/ngày đêm) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được thoát qua đường ống PVC DN200 chiều dài 25m và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Nam) qua 01 hố ga trên vỉa hè phía trước hàng rào của dự án. Tọa độ vị trí đầu nối nước thải sinh hoạt: X = 2349459; Y = 414582 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰).

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình rửa khuôn in của dự án được thu gom bằng ống nhựa PVC D90 chiều dài 55m về hệ thống xử lý nước thải sản xuất

công suất 4 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được thoát qua đường ống PVC DN200 chiều dài 152m và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Nam) qua 01 hố ga trên vỉa hè phía trước hàng rào của dự án. Tọa độ vị trí đầu nối nước thải sản xuất: X = 2349476; Y = 414568 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Hố gom nước thải → Sàng lược rác tinh → Bể điều hoà → Modul xử lý công suất 50 m³/ngày đêm hoặc Modul xử lý công suất 30 m³/ngày đêm (căn cứ theo lưu lượng nước thải phát sinh) → Bể chứa nước sau lắng (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê-Nội Hoàng (phía Nam) (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Natri hydroxyt (Xút ăn da) 300 kg/năm; Javen 160 kg/năm; Vi sinh 30 kg/năm; Mật ri đường 120 kg/năm.

* Đối với nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý:

Nước thải rửa bản in → Bể điều hoà → Hệ xử lý hóa lý keo tụ tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể chứa nước thải sau xử lý (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam) (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ hóa lý.

- Công suất thiết kế: 4 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Poly Aluminium Chloride (PAC) 300 kg/năm; Polymer Anion (KMR) (Keo tụ) 0,5 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc hệ thống

xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật; có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi chép hàng ngày.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra giám sát hoạt động xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bảo dưỡng, nạo vét định kỳ hệ thống xử lý nước thải, bổ sung hóa chất kịp thời để đảm bảo hiệu quả xử lý của các bể.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Nam) khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Nam).

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại. Bố trí máy phát điện dự phòng 100KVA, có thể sử dụng cho hệ thống XLNT trong trường hợp mất điện.

- Trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

- + Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

- Trong quá trình hoạt động do nhiều nguyên nhân khác nhau, hệ thống xử lý nước thải có thể gặp trục trặc dẫn đến nước thải sau xử lý có một số chỉ tiêu vẫn vượt nồng độ cho phép có thể bơm trở lại bể điều hòa để xử lý lại. Trong trường hợp đó thường do lỗi kỹ thuật hoặc do vận hành không tốt, tiến hành kiểm tra bơm, bơm hóa chất, các van, chương trình vận hành, nồng độ hóa chất cần cung cấp và mực nước trong bể.

- Khi xảy ra sự cố cần thông báo với nhà cung cấp để đảm bảo sự ổn định của hệ thống sau khi khắc phục.

- Định kỳ tiến hành lấy mẫu, phân tích chất lượng các loại nước thải trước và sau xử lý của dự án báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án “In bao bì” tại Giấy xác nhận số 4671/GXN-TNMT ngày 30/12/2021).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Nam). Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Yên Dũng, chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam) để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:** có 01 nguồn

- Nguồn phát sinh: khí thải phát sinh từ khu vực in, gia công sau in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải:

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải từ 01 hệ thống xử lý khí thải khu vực in, gia công sau in.

2.1. Vị trí xả khí thải: (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰)

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại 01 ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực in, gia công sau in.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349510; Y = 414600.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/giờ, tương đương 176.000 m³/ngày.

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (8 giờ/ngày)

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (cột B); QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	(mg/Nm ³)	200
2	CO	(mg/Nm ³)	1.000
3	SO ₂	(mg/Nm ³)	500
4	NO _x	(mg/Nm ³)	850
5	Benzen	(mg/Nm ³)	5
6	Toluen	(mg/Nm ³)	750
7	Xylen	(mg/Nm ³)	870

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí thải phát sinh từ quá trình in và gia công sau in qua chụp hút được dẫn theo hệ thống đường ống inox (đường kính Ø250), sau đó được đưa về tháp hấp phụ than hoạt tính nhờ quạt hút ly tâm (công suất 15kW; lưu lượng 20.000-22.000 m³/giờ).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải khu vực in, gia công sau in → Chụp hút → Đường ống inox → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống khói → Khí thải ra môi trường (*QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, C_{max} và QCVN 20:2009/BTNMT*).

- Công suất thiết kế: 20.000 - 22.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính khoảng 200 kg/năm (định kỳ thay than 2 lần/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Các thiết bị xử lý chỉ được phép đưa vào hoạt động khi đã hoạt động ổn định đảm bảo việc xử lý đáp ứng các QCVN liên quan.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật; có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Dự trữ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng để kịp thời thay thế khi có sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện sự cố, người vận hành cần ngắt nguồn điện toàn bộ hệ thống và dừng hoạt động sản xuất phát sinh khí thải. Sau đó tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự cố và khắc phục sự cố trên, sau khi khắc phục phải đảm bảo an toàn mới tiếp tục đưa hệ thống vào tiếp tục vận hành.

- Trong quá trình vận hành, máy gặp sự cố hỏng hóc, mất pha, hoặc vượt tải...không thể hoạt động được. Còi báo hoặc đèn báo sự cố sẽ báo động, đồng thời thiết bị đóng ngắt tự động bên trong tủ điều khiển sẽ tự động ngắt máy gặp sự cố ra khỏi mạch điều khiển để bảo đảm an toàn cho toàn hệ thống. Các thiết bị còn lại không gặp sự cố vẫn hoạt động bình thường theo chế độ Auto đã được cài đặt.

- Người vận hành có thể sử dụng công tắc khẩn cấp để ngắt toàn bộ mạch điều khiển hệ thống để đảm bảo an toàn.

- Trong trường hợp thiết bị hư hỏng cần tạm ngưng toàn bộ hệ thống và phải tách hoàn toàn thiết bị đó ra khỏi hệ thống trước khi tiến hành sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án “In bao bì” tại Giấy xác nhận số 4671/GXN-TNMT ngày 30/12/2021).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 01: từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng 2 tầng.
- Nguồn số 02: từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng 3 tầng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰):

Vị trí	Tọa độ	
	X	Y
Nhà xưởng 2 tầng	2349548	414608
Nhà xưởng 3 tầng	2349509	414639

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đối với các phương tiện vận chuyển ra vào dự án:
 - + Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không kéo còi.
 - + Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển.

+ Bố trí phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu và vận chuyển sản phẩm hàng hóa hợp lý để giảm thiểu lượng phương tiện tập trung cùng thời điểm gây ra cộng hưởng và ô nhiễm không khí xung quanh.

- Trong quá trình sản xuất, Chủ Dự án không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu gây tiếng ồn cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn.

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm tiếng ồn khi vận hành.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: Quần áo, khẩu trang, bông bịt tai, ...

- Trồng cây xanh xung quanh Dự án, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	200
2	Mực in thải	Rắn/lỏng	900
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	25.000
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10
5	Dầu thải	Lỏng	60
6	Bao bì mềm chứa hoặc nhiễm các TPNH	Rắn	2.900
7	Bao bì cứng chứa hoặc nhiễm các TPNH	Rắn	450
8	Vật liệu lọc, găng tay, giẻ lau nhiễm TPNH	Rắn	17.000
9	Keo thải	Lỏng	35.000
	Tổng		81.520

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh: khoảng 1.430 kg/tháng chủ yếu là bavia, đầu mẫu thải, sản phẩm lỗi, bao bì nguyên liệu không chứa thành phần nguy hại, lõi cuộn băng dính, lõi cuộn nguyên liệu, băng dính thừa, ghim hồng, ...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 860 kg/tháng chủ yếu là rác thải nhà bếp, bao bì đựng đồ uống bằng nilon, nhựa, các loại phế thải phục vụ văn phòng, ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 07 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích khoảng 100-200 lít/thùng để lưu giữ riêng từng loại chất thải nguy hại, có dán nhãn, dấu hiệu cảnh báo, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại. Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải được vận chuyển ngay khi hút khỏi bể nên không chứa trong kho.

- Bể chứa keo thải dung tích 9 m³ (kích thước 4×1,5×1,5 m), bố trí bên ngoài nhà xưởng, kết cấu xây bằng gạch tráng xi măng chống thấm có nắp đậy.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 63 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng, kết cấu tường xây bằng gạch đặc, trát vữa xi măng, sơn màu; mái bằng tôn chống nóng; có cửa khép kín, có khóa, có biển báo.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tháng hoặc khi kho chứa, bể chứa đầy).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa tại khu vực sản xuất, có dán nhãn, phân loại chất thải rắn sản xuất ngay tại vị trí phát sinh.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu:

- Khu để phế liệu diện tích 70 m², bố trí tại tầng 1 nhà xưởng 3 tầng, kết cấu tường xây gạch, trần đổ bê tông cốt thép, sàn bê tông, cửa cuốn chống cháy, có biển báo.

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất diện tích 20 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng, kết cấu tường quay tôn; mái bằng tôn chống nóng; có cửa khép kín, có khóa, có biển báo.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định định kỳ 01 lần/tuần hoặc khi kho chứa đầy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí khoảng 30 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa dung tích khoảng 25 lít/thùng trong khu vực nhà vệ sinh, khu vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn, tại hành lang mỗi tầng, sân đường nội bộ nhà máy, ...

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa rác thải sinh hoạt diện tích 5 m², bố trí ngoài nhà xưởng, kết cấu nền bê tông, mái tôn và tường quay bằng tôn.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày hoặc khi kho chứa đầy.

- Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị chuyên hút bể phốt mang đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH In bao bì Sunny Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 88/TTr-TNMT ngày 01/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.